

Số: /TB-UBND

Lưu Vệ, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

V/v thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị phía Đông Công sở thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (Khu dân cư mới tại thị trấn Tân Phong).

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 101/2024/NĐ-CP ngày 02/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 151/2024/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 5, năm 2024; số 422/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 3, năm 2023; số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: Số 3923/QĐ- UBND ngày

24/10/2023 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị phía Đông công sở thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (Khu dân cư mới tại thị trấn Tân Phong); số 3007/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án; số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Lưu Vệ về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông công sở thị trấn Tân Phong, tại xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính khu đất số: 734/TĐBĐ-2024 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 24/09/2024;

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính khu đất số: 11/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Xương lập ngày 15/01/2026;

Xét đề nghị của Hội đồng GPMB dự án Khu đô thị phía Đông Công sở thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (Khu dân cư mới tại thị trấn Tân Phong) tại tờ trình số 01/TTr-HĐGPMB ngày 08/01/2025.

Ủy ban nhân dân xã Lưu Vệ thông báo thu hồi đất như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông công sở thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (Khu dân cư mới tại thị trấn Tân Phong).

2. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

- Diện tích đất ở + đất cây lâu năm của hộ gia đình, cá nhân sử dụng: 8.926,3 m².

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

- Diện tích đất do UBND xã quản lý: 126,1 m² (gồm đất DGD, DVH, DGT, LUC).

(Chi tiết tại phụ lục số 02)

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá.

- Vị trí khu đất thu hồi thực hiện dự án theo trích lục bản đồ địa chính khu đất số: 734/TLBĐ ngày 24/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa; Trích lục bản đồ địa chính khu đất số: 11/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Xương lập ngày 15/01/2026.

3. Tiến độ thu hồi đất: Dự kiến thực hiện trong Quý I và Quý II năm 2026.

4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Từ tháng 01 năm 2026.

5. Kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất: Dự kiến trong Quý II + Quý III năm 2026.

6. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thời gian thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Dự kiến trong Quý II + Quý III năm 2026

7. Hiệu lực của thông báo thu hồi đất: Thông báo thu hồi đất có hiệu lực là 12 tháng kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

8. Giao nhiệm vụ cho tổ chức, đơn vị và người sử dụng đất có liên quan

8.1. Hội đồng BTGPMB có trách nhiệm:

- Phối hợp với các phòng, các đơn vị có liên quan, xác định ranh giới, phạm vi đất thu hồi và cắm mốc tại thực địa.

- Tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã phổ biến và niêm yết công khai Thông báo này tại Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, đồng thời thông báo đến các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi không được chuyển quyền sử dụng đất, không xây dựng, tạo lập mới tài sản, cây trồng trên diện tích đất đã có thông báo thu hồi. Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của trung ương và cấp tỉnh trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình của trung ương và cấp tỉnh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại.

8.2. Các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi có trách nhiệm

- Phối hợp với Hội đồng GPMB để thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã Lưu Vệ thông báo để các tổ chức, các cơ quan, đơn vị liên quan, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án, biết để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Hội đồng BTGPMB xã;
- Trung tâm cung ứng DVC xã;
- Trưởng thôn Trung Phong, Khang Thịnh, Tri Hòa;
- Người có đất thu hồi;
- Lưu: VT, KT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Đình Tùng

Phụ lục số 1
Các thửa đất ở của hộ gia đình, cá nhân ban hành thông báo thu hồi đất
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày / /2026)

Số TT	Họ và tên (người có đất thu hồi)	Địa chỉ thửa đất	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Thông tin thửa đất thu hồi (theo trích lục bản đồ số 734/TLBĐ do VPĐK Đất đai Thanh Hóa lập ngày 24/9/2024; trích lục bản đồ số 11/TLBĐ do chi nhánh VPĐK đất đai Quảng Xương lập ngày 15/01/2026)				Chi chú
				Diện tích thu hồi (m ²)	Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	
1	Lê Văn Mạnh	Xã Lưu Vệ	1.597,6	184,1	13	8	ONT	
2	Lê Thị Tình	Xã Lưu Vệ	980,9	78,3	13	10	ONT	
3	Nguyễn Thị Hảo	Xã Lưu Vệ	911,6	278,1	13	14	ONT	
4	Đàm Danh Thường	Xã Lưu Vệ	1.770,0	254,2	13	35	ONT	
5	Nguyễn Sĩ Khánh	Xã Lưu Vệ	714,2	33,7	13	39	ONT	
6	Ngô Thị Khiên	Xã Lưu Vệ	990,2	791,5	13	52	ONT	
7	Nguyễn Thành Chung	Xã Lưu Vệ	726,1	726,1	13	53	ONT	
8	Nguyễn Thành Chung	Xã Lưu Vệ	772,5	458,1	13	54	ONT	
9	Nguyễn Xuân Cần	Xã Lưu Vệ	2.473,3	1087,7	13	106	ONT	
10	Lê Văn Tiến	Xã Lưu Vệ	100,0	1,8	13	450	ONT	
11	Phạm Thị Nương	Xã Lưu Vệ	100,0	1,4	13	451	ONT	
12	Phạm Thị Thảo	Xã Lưu Vệ	100,0	1	13	452	ONT	
13	Hoàng Đình Quảng	Xã Lưu Vệ	100,0	0,6	13	453	ONT	

14	Ngô Thanh An	Xã Lưu Vệ	100,0	2,1	13	466	ONT	
15	Nguyễn Thị Hồng Nga	Xã Lưu Vệ	100,0	2,5	13	467	ONT	
16	Ngô Hồng	Xã Lưu Vệ	100,0	2,9	13	468	ONT	
17	Lê Văn Thành	Xã Lưu Vệ	100,0	3,3	13	469	ONT	
18	Lê Văn Thập	Xã Lưu Vệ	100,0	5,2	13	487	ONT	
19	Hà Thanh Hải	Xã Lưu Vệ	100,0	4,7	13	488	ONT	
20	Trịnh Thị Lánh	Xã Lưu Vệ	100,0	4,2	13	489	ONT	
21	Hoàng Thị Nhung	Xã Lưu Vệ	100,0	3,7	13	490	ONT	
22	Trịnh Thị Yên	Xã Lưu Vệ	100,0	5,7	13	508	ONT	
23	Bùi Văn Hà	Xã Lưu Vệ	100,0	6,2	13	509	ONT	
24	Bùi Văn Hà	Xã Lưu Vệ	100,0	6,7	13	510	ONT	
25	Quản Thị Quế	Xã Lưu Vệ	100,0	7,1	13	511	ONT	
26	Mai Việt Nam	Xã Lưu Vệ	99,9	8,6	13	542	ONT	
27	Mai Việt Hải	Xã Lưu Vệ	100,0	8,1	13	543	ONT	
28	Phạm Thị Lâm	Xã Lưu Vệ	100,0	7,6	13	544	ONT	
29	Mai Huy Khanh	Xã Lưu Vệ	1.247,5	15,6	13	725	ONT	
30	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Lưu Vệ	590,2	561,2	13	959	ONT	
31	Lê Xuân Diệu	Xã Lưu Vệ	106,8	50,5	13	960	ONT	
32	Mai Thị Linh	Xã Lưu Vệ	196,9	196,9	13	961	ONT	
33	Đỗ Xuân Thương	Xã Lưu Vệ	216,5	216,5	13	962	ONT	
34	Nguyễn Cảnh Toàn	Xã Lưu Vệ	112,9	0,7	13	969	ONT	
35	Bùi Đình Anh	Xã Lưu Vệ	111,9	90	13	970	ONT	
36	Mai Trung Kiên	Xã Lưu Vệ	588,2	588,2	13	971	ONT	
37	Nguyễn Xuân Hoài	Xã Lưu Vệ	502,6	207,3	13	1085	ONT	
38	Ngô Tiến Hoà	Xã Lưu Vệ	125,0	125	8	273	ODT	

39	Nguyễn Văn Lộc	Xã Lưu Vệ	125,0	125	8	274	ODT	
40	Lê Thị Ngọc	Xã Lưu Vệ	125,0	125	8	275	ODT	
41	Vũ Văn Hoạt	Xã Lưu Vệ	125,0	41,1	8	276	ODT	
42	Lê Việt Tuấn	Xã Lưu Vệ	125	1,7	13	1753	ONT	
43	Mai Đình Hạnh	Xã Lưu Vệ	125	94,4	13	1754	ONT	
44	Ngô Tuấn Anh	Xã Lưu Vệ	125	9,5	11	292	ONT	
45	Nguyễn Văn Nhiên	Xã Lưu Vệ	125	16,5	13	1726	ONT	
46	Dương Thanh Văn	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	1727	ONT	
47	Vũ Tiến Hóa	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	1728	ONT	
48	Hoàng Văn Tự	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	1729	ONT	
49	Trần Văn Chung	Xã Lưu Vệ	125	51,2	13	1730	ONT	
50	Nguyễn Hữu Long	Xã Lưu Vệ	125	29,4	13	257	ONT	
51	Nguyễn Thị Oanh	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	256	ONT	
52	Nguyễn Thị Oanh	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	255	ONT	
53	Nguyễn Thị Hiền	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	254	ONT	
54	Nguyễn Thị Hiền	Xã Lưu Vệ	125	111,1	13	253	ONT	
55	Lê Văn Hưng	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	1687	ONT	
56	Lê Văn Hưng	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	1688	ONT	
57	Phạm Văn Thắng	Xã Lưu Vệ	125	125,0	13	1689	ONT	
58	Lê Đình Khanh	Xã Lưu Vệ	125	119,1	13	1690	ONT	
59	Vũ Hồng Đảm	Xã Lưu Vệ	125	5,9	13	1691	ONT	
60	Bùi Xuân Thi	Xã Lưu Vệ	125	0,3	17	944	ONT	
61	Bùi Xuân Thi	Xã Lưu Vệ	125	50,9	17	945	ONT	
62	Hoàng Thị Tâm	Xã Lưu Vệ	125	103,9	17	946	ONT	
63	Đỗ Hữu Thìn	Xã Lưu Vệ	125	103,9	17	947	ONT	

64	Đỗ Hữu Thìn	Xã Lưu Vệ	125	103,7	17	948	ONT	
65	Đỗ Hữu Thìn	Xã Lưu Vệ	125	16,5	17	949	ONT	
66	Bùi Xuân Dương	Xã Lưu Vệ	125	89,6	17	922	ONT	
67	Lê Trọng Vọng	Xã Lưu Vệ	125	104,2	17	923	ONT	
68	Vũ Tiến Hóa	Xã Lưu Vệ	125	104,2	17	924	ONT	
69	Vũ Thị Hồng	Xã Lưu Vệ	125	104,2	17	925	ONT	
70	Vũ Ngọc Quang	Xã Lưu Vệ	125	35,9	17	926	ONT	
71	Bùi Xuân Tài	Xã Lưu Vệ	125	1,1	17	927	ONT	
72	Nguyễn Văn Hoàng	Xã Lưu Vệ	125	19,30	13	1755	ONT	
73	Nguyễn Văn Hoàng	Xã Lưu Vệ	125	19,00	13	1756	ONT	
74	Bùi Văn Châu	Xã Lưu Vệ	125	18,80	13	1757	ONT	
75	Hoàng Xuân Quang	Xã Lưu Vệ	125	18,80	13	1758	ONT	
76	Hoàng Xuân Quang	Xã Lưu Vệ	125	18,70	13	1759	ONT	
77	Đới Thị Quyên	Xã Lưu Vệ	125	18,70	13	1760	ONT	
78	Đới Thị Quyên	Xã Lưu Vệ	125	18,60	13	1761	ONT	
79	Đới Thị Quyên	Xã Lưu Vệ	125	18,60	13	1762	ONT	
80	Nguyễn Thị Hué	Xã Lưu Vệ	125	18,50	13	1763	ONT	
81	Nguyễn Thị Hué	Xã Lưu Vệ	125	18,50	13	1764	ONT	
82	Trần Thị Hương	Xã Lưu Vệ	125	18,40	13	1765	ONT	
83	Trần Thị Hương	Xã Lưu Vệ	125	20,0	13	1766	ONT	
	Tổng			8926,3				

Phụ lục số 02
Các thửa đất do UBND xã quản lý ban hành thông báo thu hồi đất
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày / /2026)

Số TT	Họ và tên (người có đất thu hồi)	Đại chỉ thửa đất	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Thông tin thửa đất thu hồi (theo trích lục số 734/TLBĐ do VPĐK Đất đai Thanh Hóa lập ngày 24/9/2024)				Chi chú
				Diện tích thu hồi (m ²)	Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	
1	Trường THCS Tân Phong 2	Xã Lưu Vệ	9416,7	30,9	13	394	DGD	
2	UBND xã	Xã Lưu Vệ	919,5	56,8	13	595	DVH	
3	UBND xã	Xã Lưu Vệ	1316,9	14,1	8	79	DGT	
4	UBND xã	Xã Lưu Vệ	4493,7	8,2	13	86	DGT	
5	UBND xã	Xã Lưu Vệ	15832,4	13,0	13	314	DGT	
6	UBND xã	Xã Lưu Vệ	2054,3	3,1	13	454	LUC	
	Tổng			126,1				